

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 36/2004/TT-BTC
ngày 26/4/2004 quy định chế
độ thu, nộp và quản lý sử dụng
lệ phí hợp pháp hóa, chứng
nhận lãnh sự.

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 189/HĐBT ngày 04/6/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Lãnh sự;

Sau khi có ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ
MỨC THU LỆ PHÍ

1. Các tổ chức, cá nhân (không phân biệt trong nước hay nước ngoài) khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc hợp pháp hóa và chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu, cung cấp bản sao giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật thì phải nộp lệ phí (sau đây gọi chung là lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự) theo quy định tại Thông tư này.

2. Không thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự trong các trường hợp sau đây:

a) Hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự giấy tờ, tài liệu phục vụ trực tiếp cho các hoạt động của các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

b) Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết, tham gia hoặc thỏa thuận có quy định khác thì được thực hiện theo quy định đó.

c) Miễn thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài trên cơ sở quan hệ ngoại giao "có đi có lại" và các trường hợp đối ngoại khác theo quyết định cụ thể của Bộ Ngoại giao.

3. Mức thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự cụ thể như sau:

a) Hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự giấy tờ tài liệu của nước ngoài để sử dụng tại Việt Nam, thu 160.000 (một trăm sáu mươi nghìn) đồng/lần.

b) Hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự giấy tờ tài liệu của Việt Nam:

+ Theo Mẫu số 03/HPH ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-BNG ngày 03/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định thể lệ hợp pháp hóa giấy tờ, tài liệu, thu 15.000 (mười lăm nghìn) đồng/lần.

+ Theo Mẫu số 05/HPH ban hành kèm theo Thông tư số 01/1999/TT-BNG của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nêu trên, thu 30.000 (ba mươi nghìn) đồng/lần.

c) Cấp bản sao giấy tờ tài liệu, thu 5.000 (năm nghìn) đồng/lần.

II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG LỆ PHÍ

1. Lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự có trách nhiệm:

a) Tổ chức thu, nộp lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự theo đúng quy định tại Thông tư này. Niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu lệ phí tại địa điểm thu lệ phí. Khi thu tiền lệ phí phải lập và cấp biên lai thu cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

b) Mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc Nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền lệ phí. Định kỳ hàng ngày hoặc chậm nhất 10 ngày một lần phải gửi toàn bộ số tiền lệ phí đã thu được vào tài khoản tạm giữ tiền phí, lệ phí để quản lý theo chế độ hiện hành.

c) Mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản

ánh việc thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành.

d) Đăng ký, kê khai, thu, nộp lệ phí với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

e) Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự được trích để lại 30% (ba mươi phần trăm) tiền thu lệ phí trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc thu lệ phí theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi cho người lao động thu lệ phí về các khoản tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền lương, tiền công thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo chế độ quy định. Trường hợp đơn vị đã được ngân sách nhà nước cấp kinh phí trả lương cho cán bộ, nhân viên trong biên chế thì chỉ được chi trả tiền công cho lao động thuê ngoài (nếu có) để thực hiện việc thu lệ phí theo chế độ.

b) Chi phí phục vụ cho việc thu lệ phí như: vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí; in (mua) tờ khai, giấy phép, các loại ấn chỉ khác theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

c) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa

chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho việc thu lệ phí.

d) Chi mua sắm thiết bị, công cụ làm việc và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí.

e) Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu lệ phí trong đơn vị. Mức trích lập 2 (hai) Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Cơ quan thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự phải quản lý, sử dụng số tiền lệ phí được để lại đúng mục đích nêu trên, có chứng từ hợp pháp, hàng năm phải quyết toán thu - chi theo thực tế. Sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền lệ phí được trích để lại chưa chi hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

4. Số tiền thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự còn lại (70%), cơ quan thu lệ phí phải trực tiếp nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản tương ứng, mục 049, tiểu mục 08 mục lục ngân sách nhà nước hiện hành và được điều tiết 100% cho ngân sách trung ương.

5. Hàng năm, cơ quan thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự phải lập dự toán và quyết toán thu - chi tiền lệ

phí gửi cơ quan quản lý ngành cấp trên, cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Việc quyết toán lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự thực hiện cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Cơ quan Thuế thực hiện quyết toán số thu theo biên lai, tổng số thu, số được để lại, số phải nộp ngân sách nhà nước.

Cơ quan Tài chính, cơ quan Thuế quyết toán số chi từ nguồn thu lệ phí được để lại đơn vị quy định tại điểm 3 Mục II Thông tư này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự, cơ quan thu lệ phí hợp pháp hóa, chứng nhận lãnh sự và các cơ quan liên quan thực hiện thu, nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Trương Chí Trung